TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01- 2024
"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm
Ông Hà Trọng Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Mai - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 699/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim H, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số 190B, Hẻm C, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Số 190B, Hẻm X, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn Nyl, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Huỳnh Kim H trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Lê Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đến năm 2020 bị cháy nhà nên cháy luôn cả bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Bà có đến xác nhận tại UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nhưng UBND xã Đông Thới xác định không có lưu hồ sơ đăng ký kết hôn của bà. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N không chung thủy, bà đã cho ông N nhiều cơ hội tuy nhiên ông

N vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy không thể chung sống được nữa với ông N nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lê Quyền Trân, sinh ngày 19/11/2000 và con tên Lê Văn Trọng, sinh ngày 07/6/2011. Hiện con đang sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn đối với cháu Trân đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trọng, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Huỳnh Văn Ny số tiền 155.000.000 đồng. Khi ly hôn bà yêu cầu mỗi người cùng có trách nhiệm trả ½ số tiền trên cho ông Ny. Tại phiên tòa, bà xác định sẽ tự thỏa thuận nợ chung với ông N, ông Ny, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại lời khai trong biên bản hòa giải, bản tự khai cùng ngày 27/12/2023, được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn, diễn biến quá trình mất giấy chứng nhận kết hôn đúng như bà H trình bày là đúng. Về nguyên nhân ly hôn ông thống nhất với trình bày của bà H. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã không còn tình cảm nên nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lê Quyền Trân, sinh ngày 19/11/2000 và con tên Lê Văn Trọng, sinh ngày 07/6/2011. Hiện con đang sống cùng vợ chồng. Đối với cháu Lê Quyền Trân hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Lê Văn Trọng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Huỳnh Văn Nyl số tiền 155.000.000 đồng. Khi ly hôn ông đồng ý mỗi người cũng có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ trên cho ông Nyl. Tại phiên tòa, ông xác định sẽ tự thỏa thuận nợ chung với bà H, ông Nyl, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn Ny trình bày:

Vào năm 2022 (ông không nhớ rõ thời gian cụ thể) vợ chồng bà Huỳnh Kim H và ông Lê Văn N có mượn của ông số tiền 155.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại sau cháy nhà. Nay vợ chồng bà H, ông N ly hôn thì đối với số tiền nợ trên hiện tại ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, trường hợp có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn Ny có ý kiến yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nyl theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Kim H và ông Lê Văn N cùng thống nhất xác định ông, bà tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đến năm 2020 bị cháy nhà nên cháy luôn cả bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Ngoài lời trình bày thì ông, bà không cung cấp được tài liệu chứng minh có việc đăng ký kết hôn. Trong khi tại Giấy xác nhận đề ngày 01/12/2023 của UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thể hiện: *"Qua kiểm tra tàng thư sổ bộ hộ tịch tại UBND xã Đông Thới thì Giấy kết hôn của bà Huỳnh Kim H, sinh ngày 20/10/1978 và ông Lê Văn N không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thới".* Do đó, căn cứ vào xác nhận của UBND xã Đông Thới xác định bà H và ông N không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân bà H với ông N không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa bà H với ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H, ông N xác định có hai con chung tên Lê Quyền Trân, sinh ngày 19/11/2000 và con tên Lê Văn Trọng, sinh ngày 07/6/2011. Hiện con đang sống cùng vợ chồng. Khi ly hôn đối với cháu Trân đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Trọng, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trọng, ông N thống nhất với yêu cầu này của bà H. Sự thống nhất thỏa thuận này của ông, bà cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trọng là muốn sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn nên thống nhất giao con chung tên Lê Văn Trọng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà H và ông N thống nhất thỏa thuận ông N sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình, bà H phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Kim H và ông Lê Văn N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn Trọng, sinh ngày 07/6/2011 cho bà Huỳnh Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trọng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn Ny không yêu cầu. Bà Huỳnh Kim H, Lê Văn ông N và ông Huỳnh Văn Ny xác định tự thỏa thuận việc thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/12/2023 bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0007744 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn N phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H, ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nyl được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thùy Nhiêu